TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ- ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2023
"V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Ông Đoàn Văn Đoan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Ông Đào Xuân Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1996, (có mặt).

2.Bị đơn: Anh Đỗ Quang H, sinh năm 1994, (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn 9, xã Trung H, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 31/10/2022 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Quang H ngày 02/01/2018. Trước khi cưới có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung H. Sau ngày cưới chị về làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình chồng, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, được vài năm sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H chơi bời không chịu làm ăn, chị khuyên bảo thì anh đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Đã 5 lần chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhưng sau đó do gia đình giàn xếp vợ chồng lại về đoàn tụ. Ngoài ra vợ chồng còn bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 10/2022 chị tiếp tục bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi ly thân vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 22/4/2018. Hiện đang ở với anh H. Ly hôn chị xin nuôi cháu B, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Anh Đỗ Quang H vắng mặt tại phiên tòa.

Trước đó, ngày 06/12/2022 anh H có đến Tòa án, Tòa án tiến hành lấy lời khai, anh khai xong nhưng không ký biên bản và tự bỏ ra về.

Ngày 06/12/2022 anh khai về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng, nguyên nhân là do anh không chỉn chu làm ăn và có đánh chị dẫn đến vợ chồng sứt mẻ tình cảm, từ sau khi cưới đến nay vợ chồng mâu thuẫn chị T bỏ về nhà mẹ đẻ nhiều lần sau đó vợ chồng lại đoàn tụ. Đến tháng 10/2022 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn xin được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 22/04/2018 hiện đang ở với anh, ly hôn anh xin nuôi cháu B. Không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên L trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đỗ Quang H.

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 22/04/2018. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí, chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H. Bị đơn anh H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 9, xã Trung H, huyện Yên L. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên L theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Quang H vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T kết hôn với anh Đỗ Quang H ngày 02/01/2018 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung H, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh P đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân dài nhưng vợ chồng không cải thiện được tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho anh H đến tòa để hòa giải nhưng anh H cũng không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho anh chị ly hôn để các bên ổn định cuộc sống riêng của mình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 22/4/2018. Ly hôn chị T và anh H đều xin được nuôi cháu B và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu xin nuôi con của anh chị thấy, về chỗ ở Địa phương cho biết anh chị đều có chỗ ở ổn định (ở tại nhà của bố mẹ đẻ). Về thu nhập địa phương cho biết anh H làm nghề lao động tự do không rõ thu nhập. Tòa án báo gọi anh H nhiều lần đến tòa để giải quyết vụ án nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, anh không tự chứng minh thu nhập, điều kiện nuôi con của mình nên yêu cầu xin được nuôi con chung của anh không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị T chứng minh nguồn thu nhập từ lương công nhân 8.000.000 đồng/1tháng, như vậy chị T có đủ điều kiện để nuôi con chung. Xét thấy cháu Đỗ Hoàng Gia B hiện đang còn nhỏ, chưa hoàn thiện đầy đủ về thể chất, rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ, nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đỗ Quang H.

2.Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Hoàng Gia B, sinh ngày 22/4/2018. Hiện cháu B đang ở với anh H. Anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Quang H không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001492 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên L. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã H (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bình Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA